

KẾ HOẠCH

Phát triển cà phê đặc sản trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến năm 2030

Thực hiện Quyết định số 1392/QĐ-BNN-TT ngày 02/4/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt Đề án phát triển cà phê đặc sản Việt Nam giai đoạn 2021- 2030 và tình hình thực tế, điều kiện, khả năng phát triển cà phê đặc sản trên địa bàn tỉnh. UBND tỉnh Đắk Nông ban hành Kế hoạch phát triển cà phê đặc sản trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến năm 2030 (giai đoạn 2022 – 2030), cụ thể như sau:

I. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH SẢN XUẤT CÀ PHÊ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK NÔNG

Tỉnh Đắk Nông nằm ở vị trí cửa ngõ phía Nam vùng Tây Nguyên, rất thuận lợi trong kết nối thị trường nông sản với khu vực kinh tế trọng điểm phía Nam. Là địa phương có điều kiện tự nhiên, vị trí địa lý thuận lợi, khí hậu ôn hòa, quỹ đất rộng lớn và màu mỡ, nguồn nước ngọt dồi dào,... tỉnh Đắk Nông có nhiều tiềm năng, lợi thế và dư địa để phát triển nông nghiệp. Đặc biệt, hệ thống Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông có diện tích 4.700 km², chiếm 72% diện tích tự nhiên của tỉnh, cùng với địa hình bát úp xen kẽ những khe suối hợp thùy, điều kiện đất đai màu mỡ, khí hậu ôn hòa đã tạo nên chất lượng đặc trưng cho nông sản Đắk Nông nói chung và cà phê nói riêng. Với điều kiện địa hình, địa chất và sinh thái của tỉnh việc phát triển cà phê đặc sản là phù hợp để nâng cao giá trị cho ngành hàng cà phê của tỉnh.

Với diện tích cà phê trên 135.000 ha, sản lượng trên 332 nghìn tấn, đứng thứ 3 khu vực Tây Nguyên, chỉ sau tỉnh Đắk Lắk và tỉnh Lâm Đồng. Tỉnh Đắk Nông đã tập trung xây dựng vùng cà phê đặc sản theo tiêu chuẩn và quy trình đánh giá của Hiệp hội cà phê đặc sản thế giới (SCA) và Viện chất lượng cà phê thế giới (CQI). Trong thời gian qua, cà phê đặc sản (*Specialty Coffee*) là sản phẩm cà phê từ vùng trồng có điều kiện tự nhiên cùng với quy trình chăm sóc, thu hoạch, chế biến đặc biệt, khi thử nếm có hương vị riêng và đạt từ 80 điểm trở lên tại các xã: Thuận An, Đức Minh, huyện Đắk Mil (*theo Quyết định 1392/QĐ-BNN-TT ngày 02/04/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*) ngoài ra còn ở một số vùng khác trên địa bàn tỉnh và các Hợp tác xã, người dân đã và đang chủ động sản xuất cà phê vối theo hướng đặc sản, chất lượng cao với tổng diện tích là 225 ha, sản lượng cà phê nhân đạt 251 tấn, chủ yếu tập trung tại các huyện: Đắk Mil với diện tích 18 ha, sản lượng 28 tấn (*sản xuất tập trung chủ yếu tại các Hợp tác xã Công Bằng Thuận An, Hợp tác xã Nông lâm nghiệp Đắk Mil...*); Đắk Song với diện tích 97 ha, sản lượng 63 tấn

(được sản xuất chủ yếu tại các Hợp tác xã Đoàn Kết, Hợp tác xã Thành Công...); Krông Nô với diện tích 40 ha, sản lượng 60 tấn (sản xuất tập trung chủ yếu tại các Hợp tác xã phát triển nông nghiệp Công Bằng Thanh Thái, Hợp tác xã Tin True Cooffee,...); huyện Tuy Đức với diện tích 20 ha, sản lượng 50 tấn (được sản xuất chủ yếu tại Công ty TNHH Đoàn Gia Đắk Nông); huyện Đắk R'lấp với diện tích 50 ha, sản lượng 50 tấn (Hợp tác xã Đắk Ka).

Ngoài ra, thời gian qua, một số tổ chức, cá nhân sản xuất, chế biến theo hướng cà phê đặc sản đã đưa sản phẩm tham gia cuộc thi cà phê đặc sản Việt Nam (*Viet Nam Amazing Cup*); trong đó, một số sản phẩm cà phê Robusta của tỉnh được công nhận tiêu chuẩn đặc sản và đã có kết quả cao (năm 2019 có 02 sản phẩm được công nhận, trong đó có 01 sản phẩm đứng Top 2; năm 2020 có 03 sản phẩm được công nhận, trong đó có 01 sản phẩm đứng Top 1; năm 2021 có 02 sản phẩm được công nhận, trong đó có 01 sản phẩm đứng Top 8; năm 2022 có 03 sản phẩm được công nhận). Đây là nền tảng để phát triển các sản phẩm cà phê đặc sản tại một số vùng của tỉnh Đắk Nông.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Quan điểm phát triển cà phê đặc sản trên địa bàn tỉnh

- Phát triển cà phê đặc sản trên những vùng đất có điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội thích hợp để đem lại chất lượng cà phê tốt nhất.

- Phát triển cà phê đặc sản phải gắn với thị trường tiêu thụ (là phân khúc cao cấp, yêu cầu đặc thù, có giới hạn), đảm bảo nâng cao tính cạnh tranh, giá trị gia tăng và phân chia lợi nhuận hợp lý giữa các khâu trong chuỗi giá trị.

- Phát triển cà phê đặc sản phải gắn với việc quản lý chặt chẽ chất lượng đầu vào và đầu ra của sản phẩm; quản lý chặt chẽ các khâu trong chuỗi giá trị cà phê đặc sản, đảm bảo phát triển bền vững ngành cà phê.

- Phát triển cà phê đặc sản phải huy động sự tham gia của các thành phần kinh tế, các nhà quản lý, nhà khoa học, tổ chức quốc tế và hiệp hội.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

Phát triển cà phê đặc sản tỉnh Đắk Nông phù hợp với quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của thị trường xuất khẩu và nội địa; đồng thời, nâng cao giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh sản phẩm cà phê Đắk Nông trên thị trường trong nước và thế giới.

2.2. Mục tiêu cụ thể

* Giai đoạn 2022-2025

- Xây dựng bản đồ định hướng vùng trồng/sản xuất cà phê đặc sản trên địa bàn tỉnh đến năm 2030 trên cơ sở điều tra, khảo sát, đánh giá về điều kiện kinh tế, xã hội, đất đai, khí hậu và kỹ năng canh tác, chế biến (làm cơ sở xây dựng chỉ dẫn địa lý).

- Xây dựng chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu cà phê của tỉnh trên cơ sở đó có thể hiện được chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu cà phê đặc sản.

- 100% chủ các cơ sở vùng trồng định hướng sản xuất cà phê đặc sản được tập huấn, hướng dẫn quy trình sản xuất, thu hoạch, bảo quản, chế biến cà phê đặc sản.

- Kiểm tra và thiết lập một số vùng trồng/sản xuất cà phê đặc sản trên cơ sở tập trung hỗ trợ, hướng dẫn, thúc đẩy các tổ chức/cá nhân hiện đang có vùng trồng/sản xuất cà phê theo hướng đặc sản hoặc chất lượng cao. Phân đấu đến năm 2025, toàn tỉnh phát triển được khoảng 1.000 ha sản xuất cà phê đặc sản với sản lượng cà phê nhân chọn lọc đáp ứng chế biến sản phẩm cà phê đặc sản đạt 530 tấn trở lên - bình quân đạt 530 kg/ha (*chi tiết phân theo các huyện như phụ lục I kèm theo*).

- Các vùng sản xuất cà phê đặc sản được hình thành có ít nhất 01 chuỗi liên kết sản xuất cà phê đặc sản gắn với tiêu thụ sản phẩm ổn định với giá trị sản phẩm cà phê đặc sản đem lại sự gia tăng ít nhất bằng 1,5 lần so với giá trị sản phẩm cà phê cùng loại sản xuất theo truyền thống thông thường.

** Giai đoạn 2026 - 2030*

- Tiếp tục mở rộng phát triển tăng thêm về diện tích và sản lượng cà phê đặc sản trên địa bàn tỉnh. Phân đấu đến năm 2030, toàn tỉnh diện tích sản xuất cà phê đặc sản dự kiến đạt khoảng 2.000 ha và sản lượng đạt 1.500 tấn trở lên - bình quân đạt khoảng 750 kg/ha, so với năm 2025 tăng gấp đôi về diện tích và tăng gần 2,83 lần về sản lượng (*chi tiết phân theo các huyện như phụ lục I kèm theo*).

- 100% vùng sản xuất cà phê đặc sản đều được liên kết với ít nhất 01 doanh nghiệp/hợp tác xã tiêu thụ sản phẩm ổn định với giá trị sản phẩm cà phê đặc sản đem lại sự gia tăng ít nhất bằng 1,8 lần so với giá trị sản phẩm cà phê cùng loại sản xuất theo truyền thống thông thường.

- 100% vùng trồng/sản xuất cà phê đặc sản được hướng dẫn, kiểm tra, giám sát chất lượng đầu vào, đầu ra của sản phẩm cà phê đặc sản.

- 100% sản phẩm cà phê đặc sản sản xuất trên địa bàn tỉnh của các tổ chức/cá nhân đáp ứng tiêu chuẩn được hỗ trợ trao quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý cà phê đặc sản Đắc Nông và xúc tiến thương mại phát huy thương hiệu cà phê đặc sản.

3. Nội dung, nhiệm vụ thực hiện

(Cụ thể theo phụ lục II đính kèm)

4. Nguồn kinh phí thực hiện

- Nguồn kinh phí từ Ngân sách nhà nước: kinh phí bố trí theo cơ chế, chính sách phát triển cà phê đặc sản; kinh phí lồng ghép từ các chương trình, dự án, đề án có liên quan (*Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp; Đề án phát triển vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; Chương trình mỗi xã một sản phẩm - OCOP; Chương trình khuyến nông; Đề án nông nghiệp hữu cơ; các nhiệm vụ/dự án khoa học công nghệ liên quan; ...*).

- Nguồn kinh phí ngoài ngân sách: Kinh phí đầu tư của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân (*kinh phí tự có và kinh phí tín dụng*).

5. Giải pháp thực hiện

5.1. Giải pháp về cơ chế, chính sách

- Vận dụng các chính sách của Trung ương, của tỉnh được ban hành trong xây dựng và phát triển chuỗi cà phê đặc sản của tỉnh (*thực hiện theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn; Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; Nghị quyết số 06/2019/NQ-HĐND ngày 19/07/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phê duyệt một số chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; ...*).

- Hỗ trợ phát triển cà phê đặc sản thông qua các hoạt động khuyến nông hàng năm (*tập huấn, bồi dưỡng kiến thức/kỹ năng sản xuất cà phê đặc sản; mô hình trình diễn; hội thảo nhân rộng; ...*) và lồng ghép vào các chương trình, dự án, đề án khác có liên quan (*Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp; Đề án phát triển vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; Chương trình mỗi xã một sản phẩm - OCOP; Đề án nông nghiệp hữu cơ...*).

5.2. Tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị, lấy các Hợp tác xã làm trung tâm, doanh nghiệp bao tiêu sản phẩm, kết nối thị trường theo cung ứng

- Các địa phương, doanh nghiệp, hộ sản xuất căn cứ vào lợi thế về điều kiện sinh thái và thị trường, xác định vùng tiềm năng trồng cà phê đặc sản, ưu tiên giữ gìn và phát triển vùng nguyên liệu truyền thống sản xuất cà phê đặc sản.

- Tổ chức sản xuất có hiệu quả các Hợp tác xã sẵn có, liên kết với doanh nghiệp trong thu mua nguyên liệu đầu vào, trao đổi kỹ thuật sản xuất; tiếp cận, chuyển giao khoa học công nghệ và ký hợp đồng bao tiêu sản phẩm.

- Hỗ trợ người dân áp dụng các quy trình sản xuất cà phê đặc sản, xây dựng các mô hình trình diễn trong các vùng sản xuất cà phê đặc sản được quy hoạch nhằm tăng năng suất và chất lượng cà phê.

- Đẩy mạnh liên kết 5 nhà: Nhà nông - nhà khoa học - nhà doanh nghiệp - nhà nước - nhà băng trong nghiên cứu, ứng dụng, sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm và nguồn kinh phí trong chuỗi liên kết sản xuất cà phê đặc sản.

5.3. Giải pháp khoa học công nghệ

- Áp dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, cải tạo và duy trì tính chất của đất đai, nguồn nước và các yếu tố khác phù hợp sản xuất cà phê đặc sản.

- Áp dụng quy trình canh tác, thu hái cà phê (*đạt độ chín 100%*), sơ chế, bảo quản, chế biến cà phê đạt tiêu chuẩn.

- Hỗ trợ xây dựng chỉ dẫn địa lý đối với các vùng sản xuất cà phê đặc sản, xây dựng nhãn hiệu tập thể “cà phê đặc sản tỉnh Đắk Nông” tạo điều kiện cho sản phẩm cà phê đặc sản khẳng định chỗ đứng trên thị trường (*trong nước và thế giới*).

5.4. Đào tạo, tập huấn nguồn nhân lực

- Bồi dưỡng cập nhật kiến thức cho đội ngũ cán bộ kỹ thuật về sản xuất, chế biến cà phê đặc sản.

- Đào tạo, tập huấn quy trình sản xuất, thu hoạch, bảo quản, chế biến cà phê đặc sản cho người sản xuất, doanh nghiệp, Hợp tác xã.

5.5. Xúc tiến thương mại

- Đẩy mạnh việc cung cấp thông tin về thị trường tiêu thụ sản phẩm cà phê đặc sản cho các tác nhân trong chuỗi giá trị cà phê đặc sản. Tăng cường kết nối giữa người sản xuất và những nhà rang xay, chế biến, tiêu thụ cà phê đặc sản.

- Hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng thương hiệu, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm cà phê đặc sản thông qua chương trình xúc tiến thương mại.

- Tổ chức các cuộc hội thảo về cà phê đặc sản Đắk Nông nhằm quảng bá sản phẩm để phát triển và khai thác triệt để thị trường tiêu thụ cà phê đặc sản.

5.6. Hợp tác quốc tế

Tăng cường hợp tác với các quốc gia và các tổ chức quốc tế nhằm trao đổi nguồn gen, giống cà phê đặc sản; chuyên gia khoa học công nghệ về trồng, sơ chế, bảo quản, chế biến sản phẩm cà phê đặc sản; quảng bá, tiêu thụ sản phẩm cà phê đặc sản Việt Nam.

6. Tổ chức thực hiện

6.1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành có liên quan và UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa:

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả Kế hoạch này; định kỳ hàng năm hoặc đột xuất đánh giá, tổng kết và báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và UBND tỉnh theo quy định.

- Triển khai có hiệu quả các chính sách của Trung ương và địa phương có liên quan đồng bộ, kịp thời.

- Hướng dẫn, tuyên truyền áp dụng quy trình canh tác, thu hái cà phê đặc sản cho cán bộ quản lý, doanh nghiệp, Hợp tác xã, Tổ hợp tác và người dân trực tiếp sản xuất cà phê đặc sản.

- Tổ chức hướng dẫn, tuyên truyền áp dụng quy trình canh tác, thu hái cà phê đặc sản cho cán bộ quản lý, doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân trực tiếp sản xuất cà phê đặc sản.

- Phân công và chỉ đạo các đơn vị trực thuộc chủ động xây dựng kế hoạch và khái toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ được giao theo giai đoạn và hàng năm; tổng hợp đề xuất nhu cầu kinh phí đầu tư trung hạn và hàng năm thực hiện Kế hoạch gửi cơ quan có thẩm quyền để xem xét, xử lý theo quy định.

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa, các doanh nghiệp xây dựng chỉ dẫn địa lý, thương hiệu cà phê đặc sản; giám sát chất lượng đầu vào, đầu ra của cà phê đặc sản Đắk Nông.

- Phối hợp với Sở Công thương xúc tiến thương mại, quảng bá và tìm kiếm thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước các sản phẩm cà phê đặc sản.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định đảm bảo an toàn thực phẩm trong sản xuất, chế biến cà phê đặc sản; xây dựng chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ cà phê đặc sản đảm bảo chất lượng an toàn vệ sinh thực phẩm.

6.2. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nghiên cứu đề xuất các nhiệm vụ khoa học và công nghệ để khuyến khích doanh nghiệp chế biến cà phê đầu tư, đổi mới và đầu tư ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ sạch, thân thiện với môi trường.

- Hỗ trợ kịp thời doanh nghiệp trong việc ứng dụng giải pháp công nghệ, truy xuất nguồn gốc trong lĩnh vực chế biến, bảo quản cà phê đặc sản.

- Hỗ trợ hướng dẫn, xây dựng nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý bảo hộ thương hiệu sản phẩm cà phê đặc sản của tỉnh.

6.3. Sở Công Thương

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa đánh giá nhu cầu của người tiêu dùng sản phẩm cà phê đặc sản của tỉnh để có cơ sở định hướng sản xuất và xuất khẩu.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa xây dựng hoạt động xúc tiến thương mại (*hội chợ, triển lãm, kết nối cung - cầu, giao thương hàng hóa...*) để quảng bá, giới thiệu sản phẩm cà phê đặc sản của tỉnh Đắk Nông đến người tiêu dùng trong và ngoài nước.

- Hỗ trợ máy móc, thiết bị tiên tiến trong công tác chế biến, bảo quản cà phê đặc sản thông qua thực hiện các đề án khuyến công hàng năm.

6.4. Sở Tài chính

Tham mưu, đề xuất UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch từ các nguồn kinh phí sự nghiệp và đầu tư phát triển của tỉnh.

6.5. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Là đầu mối tổng hợp, đề xuất các mô hình, cơ chế, chính sách để thu hút các doanh nghiệp, các thành phần kinh tế đầu tư liên kết với người dân sản xuất tập trung hình thành vùng sản xuất hàng hóa, hỗ trợ tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh; tích cực kêu gọi, xúc tiến, thu hút đầu tư các nhà máy chế biến sâu các sản phẩm cà phê bột, cà phê hòa tan vào địa bàn tỉnh.

6.6. Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh

Đề nghị Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh chỉ đạo các tổ chức chính trị - xã hội tăng cường công tác phối hợp với các Sở, Ban, ngành tuyên truyền nội dung Quyết định số 1392/QĐ-BNN-TT ngày 02/04/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt Đề án phát triển cà phê đặc sản Việt Nam giai đoạn 2021- 2030 và nội dung kế hoạch này để triển khai thực hiện.

6.7. UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa

- Tổ chức thực hiện Kế hoạch này thông qua việc đưa các nội dung của Kế hoạch vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; hàng năm tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh chỉ đạo.

- Hỗ trợ các tổ chức, cá nhân đầu tư vào chế biến phù hợp với nguồn nguyên liệu tại địa phương nhằm đẩy mạnh công nghiệp chế biến cà phê đặc sản, thúc đẩy liên kết sản xuất, tiêu thụ trên địa bàn.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng vùng sản xuất cà phê đặc sản tập trung, xây dựng các mô hình, dự án chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ cà phê đặc sản.

- Phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội tại địa phương vận động người sản xuất tham gia tổ chức sản xuất cà phê đặc sản tập trung, đảm bảo chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm; đồng thời kiểm tra, giám sát trong quá trình triển khai, thực hiện.

6.8. Các Doanh nghiệp, Hợp tác xã, Tổ hợp tác, chủ thể tham gia sản xuất, chế biến, tiếp thị tiêu thụ cà phê đặc sản

- Hộ nông dân: Thực hiện chặt chẽ quy trình canh tác, thu hái, sơ chế, bảo quản cà phê đặc sản được cấp có thẩm quyền ban hành, chuyển giao.

- Cơ sở chế biến: Thực hiện sơ chế, chế biến theo đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật sản phẩm, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm và giữ đúng được hương vị, chất lượng sản phẩm cà phê đặc sản.

- Các doanh nghiệp xuất khẩu cà phê: Phối hợp với các cơ quan quản lý xúc tiến thương mại, quảng bá phát triển thị trường cà phê đặc sản đến người tiêu dùng trong và ngoài nước. Đồng thời, cung cấp cho người sản xuất cà phê những thông tin, yêu cầu của thị trường cà phê đặc sản để phát triển bền vững hơn.

Trên đây là Kế hoạch phát triển cà phê đặc sản trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến năm 2030. Yêu cầu các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa triển khai, thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, báo cáo về UBND tỉnh (thông qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) để xem xét, xử lý theo quy định./.

Nơi nhận:


- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành;
- UBND huyện, TP Gia Nghĩa;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Báo Đắk Nông, Đài PT&TH tỉnh;
- Lưu: VT, CTTĐT, NNTNMT(L).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Trọng Yên

Phụ lục I. Kế hoạch phát triển diện tích, sản lượng cà phê đặc sản đến năm 2025 và 2030 phân theo các huyện trên địa bàn tỉnh Đắk Nông
(Kèm theo Kế hoạch số 458/KH-UBND ngày 11/8/2022 của UBND tỉnh)



| STT | Tên huyện | Đến năm 2025 | | Đến năm 2030 | |
|------------------|-----------|-------------------|--------------------|-------------------|--------------------|
| | | Diện tích (ha) | Sản lượng (tấn) | Diện tích (ha) | Sản lượng (tấn) |
| 1 | Đắk Mil | 670 | 350 | 1.340 | 1.000 |
| 2 | Krông Nô | 65 | 35 | 130 | 100 |
| 3 | Cư Jút | 65 | 35 | 150 | 115 |
| 4 | Đắk Song | 100 | 50 | 200 | 150 |
| 5 | Tuy Đức | 50 | 30 | 80 | 60 |
| 6 | Đắk R'lấp | 50 | 30 | 100 | 75 |
| Tổng cộng | | 1.000 | 530 | 2.000 | 1.500 |

**Phụ lục II. Nội dung, nhiệm vụ thực hiện***(Kèm theo Kế hoạch số 458/KH-UBND ngày 11/8/2022 của UBND tỉnh Đắk Nông)*

| STT | Nội dung thực hiện | Sản phẩm cần đạt | Đơn vị chủ trì | Đơn vị phối hợp | Nguồn kinh phí | Thời gian thực hiện |
|-----|---|---|--|--|--|---------------------|
| 1 | Điều tra, khảo sát, đánh giá xây dựng bản đồ định hướng vùng sản xuất cà phê đặc sản | Báo cáo và Bản đồ | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa | Nguồn kinh phí sự nghiệp kinh tế | 2022 - 2023 |
| 2 | Bồi dưỡng, tập huấn cập nhật kiến thức về sản xuất, thu hoạch, sơ chế, bảo quản, chế biến cho tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia sản xuất cà phê đặc sản | 8-10 khóa tập huấn; Báo cáo kết quả thực hiện | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa | Nguồn kinh phí sự nghiệp kinh tế và nguồn kinh phí tự túc của các tổ chức, cá nhân | Hàng năm |
| 3 | Hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá thiết lập mã vùng trồng/sản xuất cà phê đặc sản | Báo cáo kết quả thực hiện và hồ sơ vùng trồng đầy đủ cơ sở dữ liệu. | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa | Nguồn kinh phí sự nghiệp kinh tế và nguồn kinh phí từ các tổ chức, cá nhân | Hàng năm |
| 4 | Hướng dẫn, hỗ trợ cấp giấy chứng nhận sản xuất cà phê theo tiêu chuẩn chất lượng (VietGap, GlobalGap, UTZ, 4C, Rainforest, Organic...) cho vùng sản xuất cà phê đặc sản | Báo cáo kết quả | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Hội nông dân tỉnh; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa | Kinh phí lồng ghép từ các chương trình, đề án (Chương trình khuyến nông; đề án tái cơ cấu; đề án nông nghiệp công nghệ cao/hữu cơ) | Hàng năm |
| 5 | Triển khai nhiệm vụ xây dựng chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu sản phẩm cà phê của tỉnh trên cơ sở đó có thể | Giấy chứng nhận; Bản đồ; Sổ tay hướng dẫn quản lý và sử dụng chỉ dẫn địa lý; các tổ chức/cá | Sở Khoa học và Công Nghệ | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông | Nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học công nghệ | 2022-2025 |

| STT | Nội dung thực hiện | Sản phẩm cần đạt | Đơn vị chủ trì | Đơn vị phối hợp | Nguồn kinh phí | Thời gian thực hiện |
|-----|--|--|--|---|--|---------------------|
| | hiện được chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu cà phê đặc sản | nhân đáp ứng tiêu chuẩn được hỗ trợ trao quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý cà phê đặc sản Đắk Nông | | thôn; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa | | |
| 6 | Hướng dẫn, hỗ trợ xây dựng chứng nhận chất lượng trong chế biến sản phẩm cà phê đặc sản; thiết kế, in ấn bao bì, nhãn mác, tem truy xuất nguồn gốc sản phẩm cà phê đặc sản cho cơ sở chế biến (doanh nghiệp, hợp tác xã) | Báo cáo kết quả | Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa | Nguồn kinh phí sự nghiệp kinh tế/khoa học công nghệ | Hàng năm |
| 7 | Thu hút các tổ chức/cá nhân tham gia đầu tư vào chuỗi sản xuất, chế biến các sản phẩm cà phê với đặc sản tỉnh Đắk Nông. | Mỗi huyện phát triển được 1-2 chuỗi sản xuất cà phê đặc sản và thu hút/thành lập được 1-2 doanh nghiệp, HTX tham gia chuỗi. Đến năm 2025, phát triển được 1.000 ha sản xuất cà phê với đặc sản với sản lượng cà phê nhân đạt 530 tấn trở lên, đến năm 2030 đạt khoảng 2.000 ha và sản lượng đạt 1.500 tấn trở lên. | UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Sở Công thương; Các tổ chức đoàn thể cấp tỉnh | Kinh phí của các tổ chức, cá nhân và nguồn kinh phí hỗ trợ từ các cơ chế, chính sách | Hàng năm |
| 8 | Điều tra, đánh giá thị hiếu của người tiêu dùng sản phẩm cà phê đặc sản của tỉnh để có cơ sở định hướng sản xuất và xuất khẩu vào 2 đợt (Đợt 1 điều tra vào năm 2023, đợt 2 điều tra vào năm 2026). | Báo cáo kết quả điều tra, đánh giá thị hiếu của người tiêu dùng sản phẩm cà phê đặc sản. | Sở Công thương | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa | Nguồn kinh phí sự nghiệp kinh tế | 2023, 2026 |
| 9 | Hỗ trợ xúc tiến thương mại (hội chợ, triển lãm, kết nối cung - cầu, giao thương hàng hóa...) để quảng bá, giới thiệu sản phẩm cà phê đặc | Hỗ trợ, xây dựng hoạt động xúc tiến thương mại (hội chợ, triển lãm, kết nối cung - cầu, giao thương hàng hóa...). | Sở Công thương | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND | Nguồn kinh phí sự nghiệp, kinh phí từ các tổ chức, cá nhân | Hàng năm |

| STT | Nội dung thực hiện | Sản phẩm cần đạt | Đơn vị chủ trì | Đơn vị phối hợp | Nguồn kinh phí | Thời gian thực hiện |
|-----|---|---|--|-------------------------------------|----------------------------------|---------------------|
| | sản của tỉnh Đắk Nông đến người tiêu dùng trong và ngoài nước | | | các huyện, thành phố Gia Nghĩa | | |
| 10 | Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát chất lượng đầu vào, đầu ra của sản phẩm cà phê đặc sản tại các vùng trồng/sản xuất cà phê đặc sản | 100% vùng trồng/sản xuất cà phê đặc sản được giám sát; Báo cáo kết quả. | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa | Nguồn kinh phí sự nghiệp kinh tế | Hàng năm |
| 11 | Khảo sát, đánh giá việc thực hiện các chỉ tiêu và tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện giai đoạn | Báo cáo kết quả | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa | Nguồn kinh phí thường xuyên | 2025, 2030 |

Tổng cộng: 11 nhiệm vụ